

DOI: 10.62829/VNHN.366.65.68

TỘI CHIẾM GIỮ TRÁI PHÉP TÀI SẢN QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 176 BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015

✍ Đoàn Đắc Chinh - Hoàng Minh Thiết
Học viện Cảnh sát nhân dân

● **TÓM TẮT:** Bài viết phân tích về các dấu hiệu pháp lý của tội chiếm giữ trái phép tài sản quy định tại Điều 176 BLHS năm 2015. Đồng thời nêu lên một số đánh giá của tác giả khi nhận diện về tội phạm này trong một số tình huống thực tiễn có nhiều quan điểm khác nhau để cùng trao đổi, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự trong công tác phòng ngừa và đấu tranh, chống tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tội chiếm giữ trái phép tài sản nói riêng trong thời gian tới.

● **Từ khóa:** Tội phạm, BLHS, chiếm giữ trái phép tài sản.

● **ABSTRACT:** The article analyzes the legal elements of the crime of unlawful appropriation of property as stipulated in Article 176 of the 2015 Criminal Code. It also presents the author's assessments in identifying this crime through certain practical situations that have sparked differing viewpoints, thereby encouraging further discussion and contributing to enhancing the effectiveness of applying criminal law regulations in the prevention and combat of crimes against property in general and the crime of unlawful appropriation of property in particular in the future.

● **Keywords:** Crime, Criminal Code, unlawful appropriation of property.

Ngày nhận bài: 25/6/2025 Ngày bình duyệt: 04/7/2025 Ngày duyệt đăng: 10/7/2025

Khoản 1 Điều 176 BLHS năm 2015 quy định:

“Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dưới 10.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu nhận

lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm”.

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 176 BLHS năm 2015, có thể hiểu: “Chiếm giữ trái phép tài sản là hành vi cố tình chiếm giữ, quản lý, không trả lại tài sản đã bị giao nhầm, do tìm được, bắt được cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc

cơ quan có trách nhiệm khi có yêu cầu nhận lại tài sản đó theo quy định pháp luật”.

Người phạm tội có hành vi chiếm giữ, quản lý tài sản của cơ quan, tổ chức, người khác một cách trái phép. Trong đó, tài sản mà người phạm tội đã chiếm giữ là tài sản có được tài sản do bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được. Bị giao nhầm tài sản là trường hợp người phạm tội bị người khác, cơ quan, tổ chức đã nhầm lẫn giao cho tài sản, mà không có bất cứ một thủ đoạn gian dối nào để người khác, cơ quan, tổ chức giao nhầm tài sản cho người phạm tội. Tìm được tài sản là trường hợp người phạm tội có được tài sản bằng việc tìm kiếm trái phép. Nếu việc tìm kiếm tài sản một cách hợp pháp thì đó là tài sản thuộc quyền sở hữu của người tìm được. Bắt được tài sản là trường hợp người phạm tội phát hiện ra và cầm, giữ lấy tài sản bị rơi, bị bỏ quên. Nếu tài sản bắt được do người khác, cơ quan, tổ chức đã từ bỏ quyền sở hữu hợp pháp của mình thì tài sản đó thuộc quyền sở hữu của người bắt được.

Tính trái phép của hành vi phạm tội này thể hiện ở chỗ, khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản do giao nhầm, do bị rơi, bị quên nhưng người phạm tội cố tình không trả lại. Nếu chưa có yêu cầu nhận lại tài sản hoặc yêu cầu đó không phải do chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm thì chưa cấu thành tội phạm này.

1. NHẬN DIỆN TỘI CHIẾM GIỮ TRÁI PHÉP TÀI SẢN TRONG THỰC TIỄN XÉT XỬ

1.1. Tội chiếm giữ trái phép tài sản xâm phạm đến quyền năng nào trong quyền sở hữu về tài sản?

Điều 158 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của luật*”. Chiếm hữu là việc chủ thể nắm giữ, chi phối tài sản một cách trực tiếp hoặc

gián tiếp như chủ thể có quyền đối với tài sản⁽¹⁾. Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản. Quyền sử dụng có thể được chuyển giao cho người khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật⁽²⁾. Quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản⁽³⁾.

Về kỹ thuật lập pháp, tên điều luật sử dụng thuật ngữ “chiếm giữ trái phép tài sản”, chứ không phải là “chiếm đoạt tài sản”. Như vậy, hành vi của người phạm tội chỉ xâm phạm đến quyền chiếm hữu tài sản của người khác. Người phạm tội mong muốn nắm giữ, quản lý tài sản một cách trái phép, không muốn trả lại tài sản cho người khác theo quy định pháp luật.

Nếu người phạm tội có hành vi chiếm giữ trái phép tài sản, sau đó lại khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản đó một cách trái phép thì hành vi của người phạm tội không chỉ dừng lại ở việc chiếm giữ trái phép tài sản mà còn có thêm dấu hiệu của hành vi sử dụng trái phép tài sản theo quy định tại Điều 177 BLHS năm 2015. Ví dụ: A được ngân hàng B chuyển nhầm vào tài khoản của mình số tiền là 50 triệu đồng. Ngay lập tức, ngân hàng yêu cầu được nhận lại số tiền đã gửi nhầm trên nhưng A không trả lại và đã rút số tiền cho người khác vay lấy lãi. Một tuần sau, A mới mang 50 triệu đồng trả lại cho ngân hàng. Hành vi của A vừa có dấu hiệu của tội chiếm giữ trái phép tài sản, vừa có dấu hiệu của tội sử dụng trái phép tài sản.

Nếu người phạm tội có hành vi chiếm giữ trái phép tài sản nhưng sau đó thực hiện các hành vi khác để chiếm đoạt tài sản đó thì ngoài hành vi chiếm giữ trái phép tài sản, người phạm tội còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội phạm có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản độc lập khác. Ví dụ: A để quên 01 chiếc điện thoại Iphone X ở ghế đá, một lúc sau A quay lại thì thấy B đang cầm chiếc điện thoại của mình. A yêu

cầu, đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại của mình. B đã dùng chân tay không đâm đá A và đe dọa nếu A còn đòi lại thì sẽ đánh cho một trận, với mục đích nhằm chiếm đoạt chiếc điện thoại của A. Hành vi của B vừa có dấu hiệu của tội chiếm giữ trái phép tài sản, vừa có dấu hiệu của tội cướp tài sản.

1.2. Trường hợp lấy tài sản từ trên người đã chết

Đây là một trong những trường hợp trên thực tiễn có nhiều quan điểm trái chiều trên phương diện nghiên cứu và thực tiễn áp dụng. Có quan điểm xác định, đó là hành vi trộm cắp tài sản vì đã lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người chết (hoặc người thừa kế tài sản hợp pháp của người đã chết). Có quan điểm xác định đó là hành vi chiếm giữ trái phép tài sản, vì người phạm tội đã có được tài sản do bắt được hoặc tìm được nhưng không giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền, mà chiếm giữ, quản lý trái phép tài sản đó. Quan điểm khác cho rằng, đó là hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản, vì người phạm tội không cần dùng thủ đoạn gì để lấy tài sản của người đã chết.

Tác giả cho rằng, hành vi lấy tài sản từ trên người đã chết có dấu hiệu của tội chiếm giữ trái phép tài sản. Người phạm tội có được tài sản là do bắt được, tìm được tài sản từ trên người đã chết. Việc có được tài sản đó không phải là trộm cắp tài sản của người đã chết và cũng không phải là công nhiên chiếm đoạt tài sản của người đã chết, vì người chết không phát sinh quyền sở hữu. Đồng thời, hành vi lấy tài sản đó không được coi là hành vi chiếm đoạt tài sản, mà chỉ đơn thuần đó là hành vi chiếm giữ lấy tài sản do mình bắt được, tìm được từ trên người đã chết. Song để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chiếm giữ trái phép tài sản cần phải thỏa mãn các điều kiện khác của tội chiếm giữ trái phép tài sản, cụ thể: (1) Tài sản chiếm giữ phải từ 10 triệu đồng trở lên hoặc dưới 10 triệu đồng nhưng là di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; (2) Phải có yêu cầu nhận lại tài sản từ chủ sở hữu, người quản

lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm nhưng người đã chiếm giữ trái phép tài sản đó cố tình không trả lại. Do đó, một người lấy tài sản từ trên người đã chết, nhưng sau khi người thừa kế hợp pháp của người đã chết hoặc chủ sở hữu hợp pháp của tài sản đó hoặc cơ quan chức năng có trách nhiệm, thẩm quyền yêu cầu được nhận lại tài sản và người đó đã giao nộp, trả lại cho những chủ thể trên thì hành vi này không cấu thành tội phạm.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, vấn đề khó định tội danh trong trường hợp này là người lấy tài sản từ trên người đã chết và sau đó đã tiêu thụ tài sản đó vào những động cơ, mục đích khác nhau. Ví dụ: A đang đi trên đường thì bắt gặp B bị tai nạn giao thông và đã tử vong. A đã lục soát trên người B được 20 triệu đồng và một chiếc đồng hồ. Sau đó, A bán chiếc đồng hồ được 5 triệu đồng và dùng tất cả số tiền có được trên để mua xe máy. Hành vi của A sẽ phạm tội gì?

Với những phân tích trên, nếu A lấy số tiền 20 triệu và chiếc đồng hồ từ trên người của B mang đến cơ quan Công an giao nộp để trả lại cho người quản lý hợp pháp hoặc A mang số tài sản trên về nhà cất giữ, khi cơ quan có trách nhiệm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp yêu cầu được nhận lại tài sản thì A đã giao nộp lại số tài sản trên thì hành vi của A không cấu thành tội phạm. Nhưng trong trường hợp trên, A đã tiêu thụ hết số tiền lấy được từ trên người đã chết (tức là đã xuất hiện hành vi chiếm đoạt tài sản) nên không còn là hành vi có dấu hiệu của việc chiếm giữ trái phép tài sản hoặc sử dụng trái phép tài sản. Hành vi của A có dấu hiệu của tội phạm mang tính chất chiếm đoạt tài sản. Trong các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt (từ Điều 168 đến Điều 175 BLHS năm 2015), việc định tội danh đối với A về tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS) là phù hợp nhất về các dấu hiệu pháp lý. Thời điểm A tiêu thụ tài sản (bán đồng hồ và mua xe máy) cũng chính là thời điểm chiếm đoạt số tài sản lấy được từ trên

người đã chết và thủ đoạn cốt lõi để người phạm tội chiếm đoạt được số tài sản này là lén lút, bí mật với chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản của người đã chết.

1.3. Lấy tài sản của người khác bỏ lại

Ví dụ: A đánh B vì mâu thuẫn cá nhân. Do không đánh trả lại được nên B đã bỏ chạy và để lại chiếc xe máy của mình. Sau khi đuổi đánh B không được, A quay lại, nhìn thấy chiếc xe máy của B nên đã mang chiếc xe máy của B về nhà. Hôm sau, A mang chiếc xe máy của B đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của A phạm tội gì?

Đây cũng là tình huống có nhiều quan điểm đánh giá khác nhau trong thực tiễn xét xử thời gian qua. Tác giả cho rằng, về cách nhận diện tội phạm trong trường hợp này tương tự trường hợp lấy tài sản từ trên người đã chết. Trong tình huống trên, A có được tài sản do B đã bỏ lại nên A được coi là bất được tài sản đó. Việc A đơn thuần chỉ mang chiếc xe máy của B về nhà để cất giữ, không sử dụng hoặc có những hành vi khác tác động gây thiệt hại đến chiếc xe của B, khi B có yêu cầu nhận lại thì A trả xe cho B thì hành vi đó chưa cấu thành tội phạm. Nhưng A đã mang chiếc xe của B đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân thì đã xuất hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và thời điểm A bán được chiếc xe đó chính là thời điểm A chiếm đoạt được tài sản của B. Do đó, hành vi của A có dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS).

- (1). Xem: Điều 179 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- (2). Xem: Điều 189 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- (3). Xem: Điều 192 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Thứ nhất, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành Nghị quyết hướng dẫn bổ sung về chương các tội xâm phạm sở hữu. Bên cạnh những nội dung đã được hướng dẫn trong các Nghị quyết hoặc văn bản pháp luật trước vẫn còn hiệu lực, cần bổ sung hướng dẫn các trường hợp đã được trình bày trên có liên quan đến tội chiếm giữ trái phép tài sản.

Thứ hai, trong trường hợp chưa thể ban hành Nghị quyết ngay, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần nghiên cứu, lựa chọn để ban hành án lệ liên quan đến trường hợp lấy tài sản từ trên người đã chết và lấy tài sản do người khác đánh rơi, bỏ lại nhằm giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có nhận thức và đường lối xử lý thống nhất trong thực tiễn.

Trên đây là một số kết quả nghiên cứu của tác giả liên quan đến tội chiếm giữ trái phép tài sản quy định tại Điều 176 BLHS năm 2015. Những vấn đề được tác giả nêu ra, hiện vẫn đang còn nhiều quan điểm và vướng mắc trong thực tiễn và lý luận, xin được nêu ra để cùng được trao đổi với các nhà nghiên cứu và cán bộ thực tiễn. Hy vọng những vấn đề này sớm được quan tâm, bổ sung hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh, chống các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội chiếm giữ trái phép tài sản trong thời gian tới./.